

BIỆN PHÁP GIỮ NGƯỜI TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

PHẠM THÁI

Khoa Luật Hình sự, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Criminal law Department, Hochiminh city University of Law
Email: pthai@hcmulaw.edu.vn

ĐINH VĂN ĐOÀN

Khoa Luật Hình sự, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Criminal law Department, Hochiminh city University of Law
Email: dvdoan@hcmulaw.edu.vn

HÀ NGỌC QUỲNH ANH

Khoa Luật Hình sự, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Criminal law Department, Hochiminh city University of Law
Email: hnqanh@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi làm rõ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đồng thời xác định những hạn chế, bất cập trong quy định của BLTTHS năm 2015 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Trên cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp ngăn chặn này trên thực tế.

Từ khóa: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Abstract

This article clarifies the regulations of the 2015 Criminal Procedure Code on measures of emergency custody then identifies the shortcomings of these provisions. On that basis, the paper offers suggestions to improve the regulations of Criminal Procedure Code of 2015 on measures of emergency custody in order to ensure the implementation of this measure in practice.

Keywords: measure of emergency custody, 2015 Criminal Procedure Code

Ngày nhận bài: 20/3/2020

Ngày duyệt đăng: 25/5/2020

Gữ người trong trường hợp khẩn cấp là biện pháp ngăn chặn mới được quy định trong BLTTHS năm 2015 để thay thế cho biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại Điều 81 BLTTHS năm 2003. Điều 81 BLTTHS năm 2003 quy định về việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, trong đó nêu rõ những chủ thể có thẩm quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp và thủ hành lệnh bắt người. Sau khi bắt người phải gửi lệnh bắt và tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để Viện kiểm sát cùng cấp xét phê chuẩn.

Xét về tính hợp pháp, quy định này chưa phù hợp với Hiến pháp năm 2013. Cụ thể, khoản 2 Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật

định". Vì vậy, để phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, đồng thời đáp ứng thực tiễn đấu tranh phòng, ngừa tội phạm, Điều 110 BLTTHS năm 2015 đã quy định biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp thay thế cho biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp tại Điều 81 BLTTHS năm 2003.

Qua nghiên cứu pháp luật, chúng tôi nhận thấy các quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp vẫn còn những hạn chế nhất định như: căn cứ giữ người tại điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 chưa tương thích với quy định tại Điều 14 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội; quy định về thủ tục, địa điểm giữ người trong trường hợp khẩn cấp chưa rõ ràng và đầy đủ... Vì vậy, việc nghiên cứu, đánh giá quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, xác định rõ những hạn chế, bất cập, đồng thời đề xuất hướng hoàn thiện là một yêu cầu thiết yếu.

1. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp

1.1. Căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là biện pháp ngăn chặn mà khi áp dụng sẽ bảo đảm kịp thời ngăn chặn tội phạm, bảo đảm hiệu quả của các hoạt động tố tụng. Do mang tính nghiêm khắc nên khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể, chặt chẽ các trường hợp người có thẩm quyền được giữ người trong trường hợp khẩn cấp:

- Có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Để giữ người trong trường hợp này cần phải thỏa mãn 02 điều kiện. Điều kiện cần đó là cơ quan có thẩm quyền sau khi tiếp nhận, kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm phải có đủ căn cứ để xác định người đó đang chuẩn bị phạm tội. Chuẩn bị phạm tội được hiểu là một giai đoạn thực hiện tội phạm, mà người chuẩn bị phạm tội có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLTTHS năm 2015. Chuẩn bị phạm tội là những hành vi tạo điều kiện vật chất hoặc tinh thần giúp cho việc thực hiện hành vi phạm tội xảy ra hoặc có thể xảy ra thuận lợi, dễ dàng. Điều kiện đủ để người có thẩm quyền được giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với người đang chuẩn bị phạm tội đó là tội phạm đang chuẩn bị được thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, giữ người trong trường hợp khẩn cấp không được áp dụng đối với người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng và tội phạm nghiêm trọng.

Hành vi chuẩn bị phạm tội là những hành vi chưa có sự rõ ràng, cụ thể. Hơn nữa quy định của BLTTHS năm 2015 yêu cầu chỉ được áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp khi có đủ căn cứ xác định tội

phạm đang chuẩn bị thực hiện phải là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nên không phải ai cũng có khả năng đánh giá và xác định chính xác căn cứ này. Trên thực tế có thể khẳng định rằng phải là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phải trải qua những biện pháp nghiệp vụ, biện pháp tố tụng để kiểm tra, xác minh mới có thể kết luận về hành vi này. Vì vậy, phải là những chủ thể có thẩm quyền được pháp luật quy định mới được giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhằm hạn chế sự tùy tiện, oan sai, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị áp dụng.¹

- *Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn.*

Người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt nhìn thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm. Đó là những người đã có mặt tại nơi xảy ra tội phạm và vào thời điểm hành vi phạm tội được thực hiện, có khả năng cao nhất trong việc nhận dạng người thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào quy định trên thì trường hợp bị hại hoặc người khác xác nhận về đối tượng đã thực hiện tội phạm nhưng họ không phải là người trực tiếp chứng kiến lúc tội phạm đang diễn ra mà chỉ nghe người khác kể lại, mô tả lại đặc điểm nhận dạng của người bị nghi thực hiện tội phạm thì không được giữ người khẩn cấp. Việc xác định đúng về người đã thực hiện hành vi phạm tội là rất quan trọng. Do đó, mọi trường hợp còn có sự nghi ngờ hoặc chỉ là phán đoán thì không được phép giữ người.² Quy định này nhằm bảo đảm thông tin xác nhận của người cùng thực hiện tội phạm hoặc bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm về người đã thực hiện hành vi phạm tội là chính xác, hạn chế trường hợp giữ nhầm đối tượng.

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp chỉ được đặt ra khi cần thiết để ngăn chặn những đối tượng đã thực hiện hành vi phạm tội mà có căn cứ xác định đối tượng sẽ bỏ trốn. Việc đối tượng bỏ trốn ở đây có thể hiểu theo nghĩa rộng không chỉ là những hành vi cụ thể chứng tỏ họ bỏ trốn hoặc hành vi chuẩn bị bỏ trốn mà có thể còn bao gồm cả những khả năng thực tế để cho rằng họ có thể bỏ trốn (như nhân thân xấu hoặc căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội hoặc có thể khó khăn trong việc triệu tập đối tượng như đối tượng không có nơi cư trú rõ ràng...). Nếu đối tượng bị người khác xác nhận đã thực hiện hành vi phạm tội mà họ không có hành vi bỏ trốn hoặc ý định bỏ trốn thì không cần thiết phải áp dụng biện pháp này. Việc giữ người trong trường hợp này mang tính khẩn cấp, cấp bách nhằm ngăn chặn người đã thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn. Việc đối tượng bỏ trốn sẽ gây

¹ Phan Thanh Mai, "Việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp", *Tạp chí Luật học*, số 5, 1998

² Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr. 291

khó khăn cho các hoạt động tố tụng nhằm làm sáng tỏ sự thật vụ án.³

- *Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.*

Để giữ người theo trường hợp khẩn cấp này cũng cần phải đáp ứng đủ hai điều kiện sau:⁴

(i) Có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm. Dấu vết của tội phạm bao gồm vật chứng,⁵ những tài liệu có liên quan đến tội phạm tìm thấy trong người hoặc tại chỗ ở hoặc nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm. Đây là những người mà cơ quan có thẩm quyền chưa có đủ chứng cứ để khẳng định họ là người đã thực hiện hành vi phạm tội nhưng do tìm được dấu vết của tội phạm ở trên người, nơi ở, nơi làm việc, phương tiện của họ nên họ bị nghi là đã thực hiện hành vi phạm tội. Những dấu vết này thường được phát hiện thông qua tố giác của cá nhân, khám xét người, chỗ ở, chỗ làm việc, phương tiện, hoặc kiểm tra hành chính...

(ii) Cần giữ ngay để ngăn chặn việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ. Điều kiện này đòi hỏi phải có căn cứ để cho rằng nếu không giữ ngay, người bị nghi thực hiện tội phạm rất có thể sẽ bỏ trốn hoặc có hành động tiêu hủy chứng cứ. Các hành vi được coi là căn cứ để ngăn chặn việc người bị nghi thực hiện tội phạm bỏ trốn tương tự các hành vi đã được trình bày trong trường hợp giữ khẩn cấp thứ hai. Ngoài ra, nếu người bị nghi thực hiện tội phạm không có biểu hiện bỏ trốn nhưng lại có hành động chuẩn bị tiêu hủy, phá hoại chứng cứ hoặc đang tiêu hủy chứng cứ thì cũng có thể quyết định giữ người khẩn cấp ngay.

1.2. Thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một trong số những biện pháp ngăn chặn mang tính nghiêm khắc, khi áp dụng biện pháp này sẽ hạn chế một số quyền cơ bản của người bị áp dụng. Vì vậy, BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ ràng và chặt chẽ về chủ thể có thẩm quyền áp dụng biện pháp này. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 những người có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp gồm:

- *Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp.* Đây là những người đứng đầu, lãnh đạo hoạt động Cơ quan điều tra (CQĐT), chịu trách nhiệm cao nhất đối với toàn bộ các hoạt động tố tụng của CQĐT. Biện pháp giữ người trong

³ Lý Thanh Sang, *Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, 2018, tr 16 - 17.

⁴ Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, 2018, tr. 293 - 294.

⁵ Điều 89 BLTTHS năm 2015 quy định: "*Vật chứng là vật được dùng làm công cụ phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm, vật là đối tượng của tội phạm* "

trường hợp khẩn cấp là một biện pháp cưỡng chế mang tính nghiêm khắc, ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền con người. Vì vậy, để bảo đảm tính có căn cứ và hợp pháp của việc áp dụng biện pháp này, BLTTHS năm 2015 quy định những người đứng đầu CQĐT mới có thẩm quyền áp dụng. Các điều tra viên, cán bộ điều tra không được quyền áp dụng biện pháp này. Việc quy định Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT các cấp có thẩm quyền áp dụng biện pháp này là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của CQĐT, phù hợp với yêu cầu giải quyết vụ án, góp phần bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

- *Người có thẩm quyền trong cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp bao gồm:* Thủ trưởng đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương, Đồn trưởng Đồn biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Cục trưởng Cục trình sát biên phòng Bộ đội biên phòng, Cục trưởng Cục phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống ma túy và tội phạm Bộ đội biên phòng; Tư lệnh vùng lực lượng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và pháp luật lực lượng Cảnh sát biển, Đoàn trưởng Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy lực lượng Cảnh sát biển; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng.

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền trong việc tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn quản lý. Trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình, nếu phát hiện các căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 thì thủ trưởng của một số đơn vị trong Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư được quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Việc quy định thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp cho các chủ thể này nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, bảo đảm hiệu quả cho các hoạt động tố tụng tiếp theo. Tuy nhiên, đây là những cơ quan không chuyên trách trong tố tụng hình sự, vì thế để hạn chế việc giữ người không có căn cứ, xâm phạm quyền con người của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể và chặt chẽ cấp tướng của những đơn vị trong một số cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mới có thẩm quyền ra lệnh giữ người.

- *Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng.* Để đáp ứng nhu cầu kịp thời ngăn chặn tội phạm, điểm c khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015 đã quy định người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay bên cảng được quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, người chỉ huy tàu bay, tàu biển phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến CQĐT nơi có sân bay hoặc

bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, CQĐT phải lấy lời khai ngay và Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc trả tự do ngay cho người đó.

1.3. Thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp

Thủ tục giữ người trong trường hợp khẩn cấp được quy định tại khoản 3, 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015:

Tước hết, người có thẩm quyền ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người bị giữ, lý do, căn cứ giữ người quy định tại khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 và phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 BLTTHS năm 2015.

Sau đó, thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Việc thi hành lệnh giữ người phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 113 BLTTHS năm 2015. Người thi hành lệnh giữ người phải đọc lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, giải thích lệnh, giải thích quyền và nghĩa vụ của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Việc thông báo và giải thích các quyền, nghĩa vụ cho người bị giữ khi tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp giúp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp biết được mình có quyền và nghĩa vụ gì khi bị giữ.

Khi tiến hành giữ người phải có sự tham gia của người chứng kiến. Để bảo đảm sự chặt chẽ trong việc triệu tập người chứng kiến tham gia hoạt động giữ người trong trường hợp khẩn cấp, BLTTHS năm 2015 quy định tùy thuộc vào địa điểm tiến hành bắt người mà người có thẩm quyền sẽ phải triệu tập người chứng kiến tương ứng. Theo đó, khi tiến hành giữ người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người khác chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành giữ người. Người thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải lập biên bản. Biên bản phải ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm giữ, nơi lập biên bản; những việc đã làm, tình hình diễn biến trong khi thi hành lệnh giữ, tài liệu, đồ vật bị tạm giữ, tình trạng sức khỏe và ý kiến, khiếu nại của người bị giữ và các nội dung quy định tại Điều 133 của BLTTHS năm 2015.

Biên bản giữ người phải được đọc cho người bị giữ và người chứng kiến nghe. Người bị giữ, người thi hành lệnh giữ và người chứng kiến cùng ký tên vào biên bản, nếu ai có ý kiến khác hoặc không đồng ý với nội dung biên bản thì có quyền ghi vào biên bản và ký tên.

Khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người có thẩm quyền cần làm ngay các công việc sau:

+ Nếu Thủ trưởng, Phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp, trưởng một số đơn vị của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra⁶ ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải lấy lời khai ngay và phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó;

+ Nếu người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng ra lệnh giữ người khẩn cấp thì sau khi giữ người phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến Cơ quan điều tra nơi có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi tiếp nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra phải lấy lời khai ngay và phải ra quyết định tạm giữ, ra lệnh bắt người bị giữ hoặc trả tự do ngay cho người đó.

Theo quy định tại Điều 116 BLTTHS năm 2015, sau khi giữ người, người ra lệnh giữ người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận người bị giữ, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ phải thông báo cho gia đình người bị giữ, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập biết. Trường hợp người bị giữ là công dân nước ngoài thì phải thông báo cho cơ quan ngoại giao của Việt Nam để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ. Nếu việc thông báo cản trở truy bắt đối tượng khác hoặc cản trở điều tra thì sau khi cản trở đó không còn, người ra lệnh giữ người, Cơ quan điều tra nhận người bị giữ phải thông báo ngay.

2. Một số hạn chế, bất cập trong quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về giữ người trong trường hợp khẩn cấp và kiến nghị hoàn thiện

Qua việc phân tích ở trên, có thể nhận thấy BLTTHS năm 2015 đã quy định đầy đủ và chặt chẽ về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Nhưng quy định này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc áp dụng pháp luật trên thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, ngừa tội phạm, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định của BLTTHS năm 2015 về biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp, chúng tôi nhận thấy các quy định này còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc cần phải được hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, căn cứ giữ người trong trường hợp khẩn cấp tại điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 chưa bảo đảm sự tương thích giữa quy định của và BLTTHS năm 2015 và BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ

⁶ Điểm b khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015.

thể, BLTTHS năm 2015 quy định người có thẩm quyền được ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp khi có đủ căn cứ xác định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, tại Điều 14 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về trách nhiệm hình sự của người chuẩn bị phạm tội theo hướng: có những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng được quy định tại khoản 2 Điều 14 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Ngược lại có trường hợp người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nhưng theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) họ sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự. Quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và BLTTHS năm 2015 như trên dẫn đến trường hợp: người chuẩn bị phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng theo quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng người có thẩm quyền lại không được ra lệnh giữ khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn tội phạm, cũng như bảo đảm hiệu quả của các hoạt động tố tụng nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong khi có những tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng người thực hiện hành vi chuẩn bị phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự thì người có thẩm quyền lại được áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp để kịp thời ngăn chặn hành vi chuẩn bị phạm tội của họ, nhưng sau đó lại phải trả tự do cho họ vì họ không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần phải sửa đổi căn cứ áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp ở điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 cho phù hợp với mục đích của việc áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp (nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, đồng thời bảo đảm hiệu quả của các hoạt động tố tụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội, bảo đảm không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội), phù hợp với quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về trách nhiệm hình sự trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội. Theo đó, cần sửa lại căn cứ ở điểm a khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015 như sau: “a. Có đủ căn cứ để xác định một người đang chuẩn bị thực hiện tội phạm mà theo quy định của BLHS người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự”.⁷

Thứ hai, BLTTHS năm 2015 chưa quy định cụ thể về địa điểm giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Điều này có thể dẫn đến thực tiễn áp dụng gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Theo quy định tại Điều 118 BLTTHS năm 2015 thời điểm bắt đầu tính thời hạn tạm giữ là “từ khi áp giải người bị giữ, bị bắt về trụ sở của mình”. Theo quy định này thì người bị giữ sẽ được áp giải về trụ sở cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, trong Công văn số 5024/VKSTC-V14 ngày 19/11/2018 giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định

⁷ Lý Thanh Sang, *lđđ*, tr. 28.

của BLTTHS năm 2015 và nghiệp vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết VAHS trong ngành kiểm sát thì người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp có thể bị áp giải về trụ sở CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc áp giải về cơ sở giam giữ.⁸ Như vậy, theo Công văn số 5024/VKSTC-V14 thì người bị giữ có thể bị áp giải và bị giữ ở trại tạm giam, nhà tạm giữ. Tuy nhiên, hướng dẫn này là trái với quy định của BLTTHS năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 bởi vì BLTTHS năm 2015 không có quy định về việc áp giải người bị giữ về cơ sở giam giữ. Còn theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 thì đối tượng điều chỉnh của luật này chỉ áp dụng đối với người bị tạm giữ, tạm giam. Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp chưa phải là người bị tạm giữ, người bị tạm giam nên không thể giữ họ ở các trại tạm giam, nhà tạm giữ (gọi chung là cơ sở giam giữ). Mặt khác, việc áp giải người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp về cơ sở giam giữ thì thời hạn tạm giữ đối với họ được tính từ thời điểm nào bởi vì, theo quy định tại Điều 118 BLTTHS năm 2015, thời hạn tạm giữ đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được tính từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra áp giải người bị giữ về trụ sở của mình chứ không phải áp giải về nhà tạm giữ hoặc trại tạm giam. Mặc dù Công văn số 5024/VKSTC-V14 đã hướng dẫn về cách tính thời hạn tạm giữ trong trường hợp này, tuy nhiên, chúng tôi cho rằng hướng dẫn này chỉ là giải pháp tình thế, mang tính tạm thời, không phải quy định của luật. Vì vậy, chúng tôi cho rằng BLTTHS năm 2015 cần quy định cụ thể về địa điểm giữ người trong trường hợp khẩn cấp nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa quy định BLTTHS năm 2015 và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 và bảo đảm việc áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật trên thực tiễn. Trong trường hợp nếu giữ người ở cơ sở giam giữ thì cần sửa đổi quy định của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015.

Thứ ba, BLTTHS năm 2015 chưa quy định về thời điểm người có thẩm quyền thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải tiến hành việc áp giải người bị giữ về trụ sở của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Điều này có thể dẫn đến thực tế việc áp dụng không thống nhất về thời điểm áp giải người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp nếu họ bị tạm giữ bởi vì, thời điểm tính thời hạn tạm giữ bắt đầu từ khi áp giải người bị giữ về trụ sở của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Nếu luật không quy định thời hạn cụ thể bắt đầu áp giải người bị giữ về trụ sở sẽ dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị giữ, thậm chí trên thực

⁸ Mục 17, Công văn số 5024/VKSTC-V14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định của BLTTHS năm 2015 và nghiệp vụ thực hành quyền công tố THQCT, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự.

tiền đã có trường hợp Cơ quan điều tra ra lệnh giữ người và thi hành lệnh giữ người nhưng không áp giải người bị giữ về trụ sở của mình mà vẫn giữ tại trụ sở công an cấp xã. Đến khi ra lệnh bắt người bị giữ và thi hành lệnh bắt người bị giữ thì địa điểm tiến hành là tại trụ sở công an xã.⁹ Như vậy, việc giữ người tại trụ sở công an xã mà không áp giải người này về trụ sở để tính thời hạn tạm giữ là chưa phù hợp với quy định của BLTTHS năm 2015. Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần quy định sau khi thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, người có thẩm quyền phải áp giải ngay người bị giữ về trụ sở của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Quy định này nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp trong trường hợp họ bị ra quyết định tạm giữ.

Thứ tư, quy định về người chứng kiến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp còn chưa phù hợp với thực tiễn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 110 BLTTHS năm 2015 thì việc thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp phải theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 113 của BLTTHS năm 2015. Theo đó, khi tiến hành giữ người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người khác chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi người đó làm việc, học tập phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập chứng kiến. Khi tiến hành giữ người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành giữ người. Với quy định này, trường hợp người chỉ huy tàu bay, tàu biển khu tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp thì sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện đúng quy định của BLTTHS năm 2015 về người chứng kiến (trên tàu bay, tàu biển không thể có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường thị trấn). Do đó, chúng tôi kiến nghị cần quy định "*việc thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp của người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng phải có sự chứng kiến của người có mặt trên tàu bay, tàu biển đó*".¹⁰

Thứ năm, quy định BLTTHS năm 2015 có sự mâu thuẫn, chông chéo về mối quan hệ giữa biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp với bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và biện pháp tạm giữ. Tại khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015 quy định đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, cơ quan, người có thẩm quyền trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người phải ra quyết định tạm giữ, lệnh bắt giữ người hoặc trả tự do ngay cho người bị giữ. Vấn đề đặt ra là biện pháp tạm giữ được áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì tại sao trong trường hợp này ngoài ra quyết định tạm giữ, người có thẩm quyền còn ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Theo Công văn số 5024/VKSTC-V14 thì quyết định tạm giữ đối với

⁹ Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Sóc Trăng, Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 23/4/2018 đối với đối tượng Lý Thanh Bình về hành vi hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

¹⁰ Lý Thanh Sang, *ibid.*, tr. 44.

người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được ban hành trước hoặc cùng với lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Nếu quyết định tạm giữ được ra trước hay đồng thời với lệnh bắt thì theo quy định kể từ khi có quyết định tạm giữ, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đã có tư cách tham gia tố tụng là người bị tạm giữ tại Điều 59 BLTTHS năm 2015. Chúng tôi đồng tình với quan điểm cho rằng theo thứ tự lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải thực hiện sau lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt giữ người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp phải thực hiện trước khi có quyết định tạm giữ (khi có quyết định tạm giữ thì người bị tạm giữ mới được đưa vào nhà tạm giữ). Một vấn đề nữa cũng đặt ra là khi CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trực tiếp ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp, đã tiến hành lập biên bản giữ người thì có cần thiết phải ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp nữa hay không vì hai lệnh này chỉ khác nhau ở thẩm quyền của những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2015.¹¹

Chúng tôi cho rằng, việc cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định tạm giữ còn phải ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và thi hành lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp là không cần thiết và không hợp lý hợp lý (vì lúc này đã có quyết định tạm giữ và đã có tư cách người bị tạm giữ). Vì vậy, chúng tôi kiến nghị bỏ quy định về trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp tại khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015.

Thứ sáu, chưa có sự thống nhất trong các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về bảo đảm quyền bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Theo Điều 31 Hiến pháp năm 2013 và Điều 16 BLTTHS năm 2015 thì quyền bào chữa chỉ được bảo đảm cho người bị buộc tội. Theo quy định tại Điều 4 BLTTHS năm 2015 người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp chưa phải là người bị buộc tội nên đương nhiên họ sẽ không có quyền bào chữa. Tuy nhiên, tại Điều 58 BLTTHS năm 2015 quy định người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp được quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Tại Điều 3 Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/ 2019 của Bộ Công an quy định về trách nhiệm của lực lượng công an nhân dân trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2015 liên quan đến bảo đảm quyền bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quá tang hoặc theo quyết định truy nã, người bị tạm giữ, bị can.

Như vậy, theo Thông tư số 46/2018/TT-BCA thì người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp là chủ thể được bảo đảm quyền bào chữa. Tuy nhiên, quy định về thời hạn chuyển đơn yêu cầu người bào chữa (trong thời hạn 12 giờ) và thời hạn tiếp nhận, thực hiện thủ tục đăng ký bào chữa không mang tính

¹¹ Nguyễn Quốc Hân, "Những vướng mắc khi áp dụng quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thủ tục bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp", *Tạp chí Kiểm sát*, số 5, 2018, tr. 21.

khả thi. Bởi vì, thời hạn tồn tại tư cách người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp theo Điều 110 BLTTHS năm 2015 là 12 giờ (từ trường hợp chỉ huy tàu bay, tàu biển ra lệnh giữ người) trong khi thời hạn chuyển đơn yêu cầu bào chữa đã bằng thời hạn này, còn chưa kể thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký bào chữa theo quy định tại Điều 78 BLTTHS năm 2015. Như vậy, khó có thể bảo đảm quyền bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BCA.

Tuy nhiên, vấn đề bất cập ở đây là có sự mâu thuẫn trong quy định của BLTTHS năm 2015 về chủ thể được bảo đảm quyền bào chữa. Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần bảo đảm sự thống nhất trong quy định của BLTTHS năm 2015 và văn bản hướng dẫn thi hành về chủ thể được bảo đảm quyền bào chữa. Theo đó, nếu thực hiện đúng tinh thần của Hiến pháp năm 2013 và Điều 16 BLTTHS năm 2015 thì cần bỏ quy định về quyền bào chữa của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Còn nếu muốn bảo đảm quyền bào chữa cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp thì cần mở rộng khái niệm người bị buộc tội bao gồm cả người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Nếu đi theo phương án này thì cần sửa đổi Thông tư số 46/2018/TT-BCA về thời hạn chuyển đơn yêu cầu người bào chữa và thủ tục đăng ký người bào chữa đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp để bảo đảm tính khả thi. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Công văn số: 5024/VKSTC-V14 giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định của BLTTHS và nghiệp vụ THQCT, kiểm sát việc giải quyết VAHS trong ngành KSND [trans: Official Dispatch No. 5024/VKSTC-V14 Regarding the answers to problems related to the Criminal Procedure Code and exercising the right to prosecute and supervise the resolution of criminal cases in the People's Procuracy]
- [2] Cơ quan CSĐT công an tỉnh Sóc Trăng, Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 23/4/2018 đối với đối tượng Lý Thanh Bình về hành vi hiếp dâm người dưới 16 tuổi [trans: The Investigating security offices of the Public Security Departments of Soc Trang province, The written record of emergency custody dated April 23, 2018 for Ly Thanh Binh for raping people under 16 years old]
- [3] Nguyễn Quốc Hán, "Những vướng mắc khi áp dụng quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp và thủ tục bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp", *Tạp chí Kiểm sát*, số 5, 2018 [trans: Nguyen Quoc Han, "Problems in implementing the provisions on emergency custody and procedure for arresting emergency detainees", *Procuracy Magazine*, no 5, 2018]
- [4] Phan Thanh Mai, "Việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp", *Tạp chí Luật học* số 5, 1998 [trans: Mai Phan Thanh, "Arresting people in emergency cases", *Jurisprudence Journal*, No. 5, 1998]
- [5] Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB. Hồng Đức, 2018 [trans: Ho Chi Minh City University of Law, *Textbook of Vietnamese Criminal Procedure Law*, Hong Duc Publisher, 2018]
- [6] Lý Thanh Sang, *Biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp theo Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật TP Hồ Chí Minh, 2018 [trans: Sang Ly Thanh, *The Measure of emergency custody according to Vietnamese Criminal Procedure Law*, Master Thesis, Ho Chi Minh City University of Law, 2018]